

Bản án số: 64/2017/HSST

Ngày 22 - 9 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đường Ngọc Đại

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2017/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Trương Anh T**, (tức C), sinh năm 1992; Trú tại: Khu 5, xã T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: lao động tự do; Văn hóa: 11/12; Con ông Trương Quang Q, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thúy N, sinh năm 1972; vợ Nguyễn Thúy N1, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011: tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 78/2014/HSST ngày 08/8/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xử phạt T 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 năm tính từ ngày 08/8/2014, về tội Cố ý gây thương tích, đến nay chưa được xóa án tích. Tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 01 tháng 6 năm 2017, có mặt.

2. **Trương Thị S**, sinh năm 1995, nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn 5, xã H, huyện H1, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Văn hóa: 7/12; Con ông Trương Đình Đ, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1973; chồng, con chưa có: tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 01 tháng 6 năm 2017, có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Trương Anh T và Trương Thị S bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 01 tháng 6 năm 2017 tại khu 3, xã T, thị xã P. Công an thị xã Phúc Yên bắt quả tang Trương Anh T có hành vi bán 01 cục ma túy cho thanh niên tự khai tên là Nguyễn Văn B, sinh năm 1997 ở xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Khi hai bên vừa thực hiện xong việc mua bán thì bị Công an thị xã Phúc Yên bắt quả tang và thu giữ của B: 01 điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu NOKIA 308 màu đen và 01 cục tinh thể dạng đá màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1. Thu giữ của T: 01 ĐTDD nhãn hiệu sam sung J7 FLEM màu đen, 01 ví giả da màu nâu bên trong có 15.000đồng và 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa các tinh thể dạng đá màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu B1. T khai là túi ma túy xin của S để sử dụng và bán kiếm lời.

Quá trình điều tra vụ án xác định: Khoảng 20 giờ ngày 31 tháng 5 năm 2017 Trương Anh T đến quán Internet của Trần Đông C, sinh năm 1989 ở Khu 3, xã T, thị xã P để chơi game. Tại đây T nhắn tin qua Facebook với Trương Thị S, S rủ T lên thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc chơi và sử dụng ma túy đá, S hẹn sẽ đón T ở cây đa, T đồng ý. Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 01 tháng 6 năm 2017 tại quán Internet của Trần Đông C, Nguyễn Văn B đến gặp T và hỏi: “*anh có biết chỗ nào lấy đồ không nhĩ*”, ý của B là hỏi T có biết chỗ nào bán ma túy không. Hiểu ý của B hỏi mua ma túy và nghĩ đến việc gặp S sẽ có ma túy nên T nói: “*Đưa tiền đây*”. B đồng ý, đưa cho T 500.000đ tiền mua ma túy, T cầm tiền và hẹn đến khi trời sáng sẽ bán ma túy cho B tại quán anh C.

Khoảng 4 giờ cùng ngày S gọi điện bảo T đi ra ngã 3 cây đa. T cầm theo 01 bộ bình coóng sử dụng ma túy tự chế ra chỗ hẹn gặp S rồi cả hai đi taxi đến khách sạn D ở phường Đ, thành phố V thuê phòng. S gặp lễ tân của khách sạn là chị Phạm Thị Thu P, sinh năm 1990 ở xã T, huyện Y, tỉnh V thuê phòng 407, rồi cùng T lên phòng nghỉ và nói chuyện. Khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày khi thấy T lấy bộ bình coóng, bật lửa ga, S hiểu ý bèn bỏ ra 01 túi nilon chứa ma túy đá và 01 chiếc kéo Inoc để trên nóc tủ ở đầu giường, T lấy kéo cắt túi nilon rồi lấy ra 01 ít ma túy cho vào bình coóng sau đó cả hai cùng sử dụng. Khoảng 7 giờ 30 cùng ngày sau khi sử dụng ma túy xong, T hỏi xin S một ít ma túy nói là đem về nhà sử dụng, S đồng ý cho nên T tự lấy túi ma túy của S rồi dùng kéo cắt, chia túi ma túy to thành 2 túi ma túy. T lấy 01 túi có lượng ma túy nhiều hơn cắt vào

trong ví của mình, túi còn lại T để trên nóc tủ gần đầu giường trong phòng của khách sạn. Xin được ma túy T bắt xe khách đi về xã T, thị xã P rồi đi bộ đến quán Internet của Trần Đông C để bán ma túy cho B. Khi gặp nhau, T đi bộ vào ngôi nhà hoang ở gần đó, hiểu ý nên B đi theo sau. Tại ngôi nhà hoang, T lấy 01 cục nhỏ ma túy trong túi ma túy xin được của S ra bán cho B, phần ma túy còn lại T để sử dụng và nếu có ai hỏi mua thì bán.

Ngày 01 tháng 6 năm 2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phúc Yên khám xét khẩn cấp phòng 407 khách sạn D, thu giữ tên nóc tủ cạnh đầu giường 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa các tinh thể dạng đá màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2; 01 bình nhựa màu trắng trên nắp bình nhựa có cắm 01 vòi hút màu trắng và 01 coóng thủy tinh; 01 bật lửa ga màu tím; 01 kéo Inox màu trắng; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone5 màu trắng màn hình cảm ứng bị vỡ nứt. Ngày 02 tháng 6 năm 2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phúc Yên khám xét nơi khẩn cấp nơi ở của Trương Anh T tại Khu 5, xã T, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng không thu giữ tài sản đồ vật gì.

Tại bản kết luận giám định số 543/KLGD ngày 05/6/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định có trọng lượng là: 0,1240g, có Methamphetamine. Trọng lượng Methamphetamine trong 0,1240g mẫu là **0,0886g**. Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu A2 gửi giám định có trọng lượng là: 0,8627g, có Methamphetamine. Trọng lượng Methamphetamine trong 0,8627g mẫu là **0,6281g**. Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu ký hiệu B1 gửi giám định có trọng lượng là 1,4224g, có Methamphetamine. Trọng lượng Methamphetamine trong 1,4224g mẫu **1,0476g**.

Cơ quan giám định hoàn lại: A1 = 0,0447; A2 = 0,5190g; B1 = 1,0032g mẫu cùng toàn bộ bao gói .

Tại phiên tòa các bị cáo T và S khai nhận như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 70/KSĐT - MT ngày 07 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố các bị cáo Trương Anh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và Trương Thị S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trương Anh T, phạt bị cáo T từ 3 năm đến 3 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trương Thị S. Phạt bị cáo S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Trương Anh T và Trương Thị S đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng ...và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Ngày 01 tháng 6 năm 2017 Trương Thị S có hành vi mua để sử dụng: **1,7643 gam chất** ma túy Methamphetamine. Khoảng 7 giờ 30 cùng ngày Trương Anh T xin ma túy và được Trương Thị S cho **1,1362 gam chất** ma túy Methamphetamine. Mục đích T xin ma túy là để sử dụng và bán kiếm lời, nhưng Trương Thị S không biết T xin ma túy để bán. Khoảng 8 giờ cùng ngày 01 tháng 6 năm 2017 tại khu 3, xã T, thị xã P, bị cáo T có hành vi bán trái phép cho người thanh niên tự khai tên là Nguyễn Văn B **0,0886 gam chất** ma túy Methamphetamine thì bị Công an thị xã Phúc Yên bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của bị cáo T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999: Nội dung điều luật quy định như sau:

“Người nào... mua bán trái phép... chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Hành vi nêu trên của bị cáo S đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết 41/2017 QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, thì tội phạm và hình phạt của Trương Thị S được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, có

khung hình phạt nhẹ hơn so với khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy khi hành vi của bị cáo Trương Thị S đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Nội dung điều luật quy định: “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm*”.

.....

c) ... *Methamphetamine*... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi mua bán trái phép **1,1362** gam chất ma túy Methamphetamine của bị cáo T và tàng trữ **1,7643 gam** chất ma túy Methamphetamine của bị cáo S để sử dụng là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với chất ma túy, chất gây nghiện. Như chúng ta đã biết nghiện ma túy có thể gây lây nhiễm HIV cho người khác qua con đường tiêm chích, gây ảnh hưởng tới sức khỏe, kinh tế của người nghiện, làm suy thoái đạo đức, giống nòi. Nó còn là một trong những nguyên nhân gây ra những loại tội phạm khác. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử không chỉ nhằm giáo dục riêng cho các bị cáo mà còn mang tính giáo dục chung và phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo có sức khỏe, sinh ra và lớn lên trong gia đình nông dân lao động nhưng các bị cáo không chịu rèn luyện, lao động chân chính làm ra của cải vật chất mà ham chơi, đua đòi theo bạn bè nên đã mắc nghiện ma túy. Bị cáo S sử dụng ma túy từ tháng 6 năm 2014, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy nhưng vẫn tàng trữ trái phép để sử dụng và còn rủ rê cho T sử dụng cùng. Bị cáo T sử dụng ma túy từ năm 2015, bản thân bị cáo T đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên đưa ra xét xử về tội Cố ý gây thương tích tại Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2014/HSST ngày 08/8/2014 với mức hình phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 2 năm tính từ ngày 08/8/2014, đến nay chưa được xóa án tích. Bị cáo T không lấy đó làm bài học cho bản thân mà nay lại tiếp tục vi phạm pháp luật. Các bị cáo đều nhận thức được tác hại của ma túy nhưng không từ bỏ mà còn rủ rê lôi kéo người khác sử dụng trái phép hoặc mua bán trái phép ma túy kiếm lời. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo

mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng, bị cáo T chưa được xóa án tích nay lại phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo S không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Sau khi cân nhắc nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như tính chất, mức độ, hậu quả xảy ra, Hội đồng xét xử thấy cần buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo T và S mua bán, tàng trữ ma túy trái phép nhưng qua xác minh tại địa phương các bị cáo không có tài sản và nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về nguồn gốc ma túy, bị cáo S khai nhận mua của 1 phụ nữ không quen biết tại bến xe M với giá: 1.500.000đ để sử dụng. Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch của người phụ nữ bán ma túy cho bị cáo S nên tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với số tiền 500.000đ là tiền bị cáo T thu lời bất chính từ hành vi bán trái phép ma túy cho B. T khai đã trả tiền Taxi hết 465.000đ, trả tiền đi xe khách hết 20.000đ, còn lại 15.000đ hiện cơ quan điều tra đang tạm giữ.

Đối với người có tên là Nguyễn Văn B và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu NOKIA 308 màu đen thu giữ của B, cơ quan điều tra đã xác minh tại xã T, huyện M, thành phố Hà Nội nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với khách sạn D và chị Phạm Thị Thu P là nhân viên lễ tân, quá trình giải quyết vụ án xác định khách sạn có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và khi cho S thuê phòng nghỉ chị P không biết được mục đích thuê phòng để sử dụng ma túy nên không đề cập việc xử lý.

Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói; Cần tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ví giả da màu nâu đã cũ của bị cáo S, do không còn giá trị sử dụng; 01 bình nhựa màu trắng trên nắp bình nhựa có

cắm 01 vòi hút màu trắng và 01 coóng thủy tinh; 01 bật lửa ga màu tím; 01 kéo Inox màu trắng là công cụ các bị cáo sử dụng trái phép ma túy.

Cần truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo T số tiền 485.000đ và tịch thu sung quỹ Nhà nước 15.000đ là tiền bị cáo T bán trái phép ma túy cho B.

Đối với các điện 01 ĐTDD nhãn hiệu sam sung thu giữ của bị cáo T; 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Iphone5 thu giữ của bị cáo S đều sử dụng để giao dịch trao đổi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy nên cần tịch thu bán sung quỹ nhà nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật cần được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trương Anh T (tức C) phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Trương Thị S phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trương Anh T.

Xử phạt: Bị cáo Trương Anh T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2017.

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trương Thị S

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị S 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 6 năm 2017.

Về vật chứng: Áp dụng: Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật sau giám định A1 = 0,0447; A2 = 0,5190g; B1 = 1,0032g mẫu cùng toàn bộ bao gói .

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc ví giả da màu nâu đã cũ của bị cáo S; 01 bình nhựa màu trắng trên nắp bình nhựa có cắm 01 vòi hút màu trắng và 01 coóng thủy tinh; 01 bật lửa ga màu tím; 01 kéo Inox màu trắng.

Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo T số tiền 485.000đ (*bốn trăm tám lăm nghìn đồng*) và tịch thu sung quỹ Nhà nước 15.000đ (*mười lăm nghìn đồng*).

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước: 01 ĐTDD nhãn hiệu sam sung của bị cáo T; 01 chiếc ĐTDD nhãn hiệu Iphone5 của bị cáo S.

(Tiền và tài sản có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại cơ quan Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên).

Án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Trương Anh T (tức C) và bị cáo Trương Thị S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên;
- Công an thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc và Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, V.P.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh